TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST Ngày: 14-5-2018 *V/v*: *"Tranh chấp yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Đào;
2. Ông Trần Văn Nhâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao *không tham gia phiên tòa.*

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 51/2018/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc "Tranh chấp yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/ QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị C - sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tr, xã Tr1, huyện Ch, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh T - sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị C trình bày: Tôi và anh T có tìm hiểu nhau trước được 01 năm nên đến năm 2009 chúng tôi được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang vào ngày 19/02/2013.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng tôi cờ bạc, rượu chè, hạnh hạ vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vả và nhiều lần tôi cố gắng nhường nhịn để cùng nhau chung sống nhưng không được nên vợ chúng tôi đã ly thân cách nay khoảng 3 năm. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Thanh T.

Về con chung: Quá trình sống chung với nhau chúng tôi có 02 đứa con chung tên Trần Triệu V - sinh ngày 05/9/2010 và Trần Ngọc Thiên H - sinh ngày 09/12/2014.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng tôi không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng: Về hôn nhân tôi xin được ly hôn với anh Trần Thanh T.

Về con chung: Tôi xác định có hai người con chung tên Trần Triệu V - sinh ngày 05/9/2010 và Trần Ngọc Thiên H - sinh ngày 09/12/2014, hiện nay các con đang sống với tôi nên tôi yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chồng tôi cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung như trình bày trên tôi không có yêu cầu gì.

Tại bản tự khai đề ngày 30/3/2018 và tại phiên hòa giải bị đơn anh Trần Thanh T trình bày: Tôi thống nhất với lời trình bày của vợ tôi về ngày tháng năm kết hôn, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng còn nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như vợ tôi trình bày là không đúng, tôi có cờ bạc, rượu chè nhưng không có hành hạ vợ con.

Về con chung: Quá trình sống chung với nhau chúng tôi có 02 đứa con chung tên Trần Triệu V - sinh ngày 05/9/2010 và Trần Ngọc Thiên H - sinh ngày 09/12/2014, hiện nay các con đang sống với vợ tôi nên tôi yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu vợ tôi cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng tôi không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng: Về hôn nhân tôi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ tôi.

Về con chung: Tôi xác định có hai người con chung tên Trần Triệu V - sinh ngày 05/9/2010 và Trần Ngọc Thiên H - sinh ngày 09/12/2014, hiện nay các con đang sống với vợ tôi nên tôi yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu vợ tôi cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung như trình bày trên tôi không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Thanh T là bị đơn đã được Tòa án triệu hợp lệ nhưng anh không có mặt tại phiên tòa, căn cứ vào Điều 227 của BLTTDS năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Thị C xác lập quan hệ hôn nhân với anh Trần Thanh T vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, cho nên theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị C xin được ly hôn với anh T vì lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không lo làm ăn mà cờ bạc, rượu chè nên thường xuyên xảy ra cự cãi. Chị C cho rằng sống với anh T không có hạnh phúc nên khởi

kiện ra tòa xin ly hôn với anh T. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa hôm nay chị C đã tỏ rõ thái độ không còn thương yêu gì đối với anh T nữa nên cương quyết ly hôn với anh T, còn anh T thì cho rằng hiện tại còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

[3] Về con chung: Chị C và anh T xác định anh chị có 02 người con chung tên Trần Triệu V - sinh ngày 05/9/2010 và Trần Ngọc Thiên H - sinh ngày 09/12/2014, hiện nay cháu V và cháu H đang sống với chị C nhưng chị C và anh T đều có yêu cầu nuôi con. HĐXX thấy rằng từ lúc anh chị ly thân đến nay cháu V và cháu H sống với chị C thì hai cháu cũng phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Hơn nữa, cháu V cũng có nguyện vọng sống với chị C còn cháu H hiện nay cháu chưa đủ 4 tuổi nên cháu cũng chưa hiểu được nhiều. Do đó, xét thấy yêu cầu nuôi con của chị C là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu nuôi con của anh T thì anh cho rằng mình có thu nhập ổn định và có đủ điều kiện nuôi con. Anh cũng cho rằng chị C không nuôi con mà giao cho ông bà ngoại nuôi. Lẽ ra, khi chị C và anh ly thân chị C đưa cả hai cháu V và cháu H về nhà cha mẹ ruột sống và giao hai cháu lại cho ông bà ngoại nuôi mà không trực tiếp chăm sóc con thì anh phải làm các thủ tục theo quy định của pháp luật để yêu cầu mình được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con nhưng anh không thực hiện đều này. Đồng thời, từ khi anh chị ly thân đến nay thì chị C đã chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và cháu H phát triển bình thường như những đứa trẻ khác và hai cháu có cuộc sống ổn định về tinh thần lẫn vật chất nên việc giao cháu V và cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ có phần làm ảnh hưởng đến tinh thần của hai cháu. Do đó, cần giao Trần Triệu V - sinh ngày 05/9/2010 và Trần Ngọc Thiên H - sinh ngày 09/12/2014 cho chị C tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Vy và đúng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị C và anh Trần Thanh T xác định anh chị không có tạo lập được tài sản chung cũng không có thiếu nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Trương Thị C phải chịu do chị có yêu cầu ly hôn nhưng chị C được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000272, ngày 06/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ví các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trương Thị C được ly hôn với anh Trần Thanh T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Triệu V - sinh ngày 05/9/2010 và Trần Ngọc Thiên H - sinh ngày 09/12/2014 cho chị Trương Thị C được quyền tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc.

Anh Trần Thanh T có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết, anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: HĐXX miễn xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Trương Thị C phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000272, ngày 06/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị C đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Báo cho chị Trương Thị C biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 14/5/2018. Anh Trần Thanh T biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam;
- Lưu hồ sơ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Trần Hoài Thanh